

AASCN

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)

Trụ sở chính: Số 29, Hoàng Sa, Quận 1, TP Hồ Chí Minh. Tel: (84 8) 3910 3908 - 3910 4881 / Fax: (84 8) 3910 4880
CN Hà Nội: Số 15, Ngõ 640, Đường Láng, Quận Đống Đa, TP Hà Nội. Tel: (84 4) 3793 1428 / Fax: (84 4) 3793 1429

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2015

đã được kiểm toán



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban lãnh đạo	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 – 5
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	6 – 32
Bảng cân đối kế toán	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 – 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	13 – 32

UNITED
C
ON
CH
VÀ
M
G

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Vang Thăng Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2015 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vang Thăng Long được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001012 ngày 03 tháng 5 năm 2002, các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 27.000.000.000 đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2015 bao gồm:

- Sản xuất nước uống các loại có cồn và không có cồn, các loại bao bì;
- Kinh doanh khách sạn, các sản phẩm hàng hóa ăn uống, lương thực, thực phẩm chế biến;
- Sản xuất, buôn bán các mặt hàng công nghệ phẩm, tạp phẩm, thủ công mỹ nghệ, các mặt hàng nhựa, may mặc đồ da, giả da và sản phẩm in các loại;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, cửa hàng, phòng trưng bày.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 3 năm 2015 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 32).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH

Ban lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 3 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Xuân Hà	Chủ tịch HĐQT	Đại diện pháp luật của Công ty
Bà Phan Thị Bích Ngọc	Ủy viên	
Ông Hoàng Minh Thọ	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2014
Ông Trần Vũ Tuấn	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2014
Ông Phạm Ngọc Quý	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2014
Bà Tô Thanh Huyền	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2014
Ông Chu Xuân Kiên	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2014
Ông Đỗ Mạnh Hùng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Báo cáo của Ban lãnh đạo (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Bà Tô Thanh Huyền	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2014
Ông Phạm Văn Vinh	Phó Giám đốc	
Ông Vũ Minh Đức	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2014
Ông Phạm Ngọc Quý	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 7 năm 2014
Bà Trần Thị Hoàng Liên	Kế toán trưởng	

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2015.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban lãnh đạo Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Hà Nội, ngày 11 tháng 5 năm 2015

TM. Ban lãnh đạo
Chủ tịch HĐQT



Phạm Xuân Hà

Số: 192./2015/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long, được lập ngày 11 tháng 5 năm 2015, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban lãnh đạo

Ban lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty đang ghi nhận giảm quỹ dự phòng tài chính khoản truy thu thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và tiền phạt thuế tại Công ty mẹ và Công ty TNHH MTV Rượu Vang Thăng Long theo biên bản thanh tra quyết toán thuế năm 2012 và năm 2013 của Cục thuế thành phố Hà Nội thay bằng việc ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, số tiền 387.521.637 đồng. Nếu thực hiện điều chỉnh các khoản nêu trên thì trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2015 chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" (mã số 420) giảm và chỉ tiêu "Quỹ dự phòng tài chính" tăng 387.521.637 đồng; trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh từ ngày 01 tháng 4 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 chỉ tiêu "Chi phí khác" (mã số 32) tăng tương ứng tiền phạt nộp chậm và phạt vi phạm pháp luật về thuế số tiền 44.862.388 đồng, chỉ tiêu "Doanh thu hoạt động tài chính" (mã số 21) giảm 68.101.214 đồng tương ứng lợi nhuận giảm tại Công ty TNHH MTV Rượu Vang Thăng Long và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" (mã số 60) giảm 112.963.602 đồng (chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" (mã số 60) trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh từ ngày 01 tháng 4 năm 2013 đến ngày 31 tháng 3 năm 2014 giảm 95.524.788 đồng, từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 3 năm 2013 giảm 179.033.247 đồng).

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-08) 3910 4881 *Fax: (84-08) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

4

Branch in Hanoi

No15, Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi
Tel: (84-04) 3793 1428 *Fax: (84-04) 3793 1429
Email: admin@namviethn.vn

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long tại ngày 31 tháng 3 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Hà Nội, ngày 11 tháng 5 năm 2015

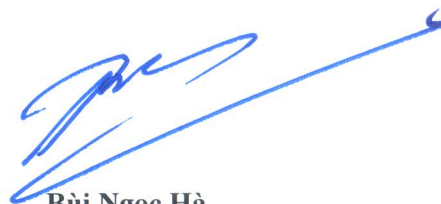
**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**



Bùi Ngọc Vương

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2013-152-1

Kiểm toán viên



Bùi Ngọc Hà

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2013-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2015

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		77.572.369.943	77.514.250.981
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.617.495.718	5.372.273.542
1.	Tiền	111	V.01	1.867.495.718	1.622.273.542
2.	Các khoản tương đương tiền	112		3.750.000.000	3.750.000.000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.924.150.511	17.563.221.155
1.	Phải thu khách hàng	131		16.690.960.233	14.170.403.397
2.	Trả trước cho người bán	132		1.597.403.712	1.725.828.574
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.02	1.635.786.566	1.666.989.184
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		51.121.798.667	54.051.527.543
1.	Hàng tồn kho	141	V.03	51.121.798.667	54.051.527.543
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		908.925.047	527.228.741
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		143.709.569	109.158.723
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		12.395.588	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.04	-	17.600.218
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	752.819.890	400.469.800

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		28.010.329.523	24.398.109.161
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		291.880.000	44.380.000
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218	V.06	291.880.000	44.380.000
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		12.804.670.640	8.894.049.566
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	9.784.876.291	5.983.644.710
	- Nguyên giá	222		45.420.970.195	40.799.285.025
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(35.636.093.904)	(34.815.640.315)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.08	44.399.483	54.284.711
	- Nguyên giá	228		95.000.000	95.000.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(50.600.517)	(40.715.289)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	2.975.394.866	2.856.120.145
III.	Bất động sản đầu tư	240	V.10	7.474.754.480	7.805.211.512
1.	Nguyên giá	241		8.261.425.803	8.261.425.803
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(786.671.323)	(456.214.291)
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		4.300.000.000	4.300.000.000
1.	Đầu tư vào công ty con	251	V.11	3.100.000.000	3.100.000.000
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	1.200.000.000	1.200.000.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		3.139.024.403	3.354.468.083
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	3.139.024.403	3.354.468.083
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		105.582.699.466	101.912.360.142

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		74.951.301.177	71.523.861.393
I.	Nợ ngắn hạn	310		70.370.918.455	67.677.121.890
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	47.024.054.772	58.541.939.002
2.	Phải trả người bán	312		402.240.138	993.173.716
3.	Người mua trả tiền trước	313		13.556.400.000	3.999.000.000
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	6.043.243.812	561.098.331
5.	Phải trả người lao động	315		673.967.123	162.561.472
6.	Chi phí phải trả	316	V.16	86.414.382	9.000.000
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	2.566.577.475	3.409.103.616
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		18.020.753	1.245.753
II.	Nợ dài hạn	330		4.580.382.722	3.846.739.503
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		509.488.387	1.065.258.273
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		17.782.142	17.782.142
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.18	4.053.112.193	2.763.699.088
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		30.631.398.289	30.388.498.749
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.19	30.600.238.289	30.299.438.749
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		27.000.000.000	27.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		1.475.755.461	1.863.277.098
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.124.482.828	1.436.161.651
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		31.160.000	89.060.000
1.	Nguồn kinh phí	432	V.20	31.160.000	89.060.000
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		105.582.699.466	101.912.360.142

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		133.833.648	133.833.648
5.	Ngoại tệ các loại		-	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu



Trần Thị Hoàng Liên

Kế toán trưởng



Trần Thị Hoàng Liên

Hà Nội, ngày 11 tháng 5 năm 2015

Chủ tịch HĐQT



Phạm Xuân Hà

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	85.520.428.926	91.477.809.656
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	11.404.751.381	16.545.542.969
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.03	74.115.677.545	74.932.266.687
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.04	58.028.488.208	57.746.599.743
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.087.189.337	17.185.666.944
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	427.029.636	467.077.459
7.	Chi phí tài chính	22	VI.06	6.360.449.886	7.531.823.787
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		6.360.449.886	7.531.823.787
8.	Chi phí bán hàng	24		2.667.029.766	4.041.952.673
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.842.999.124	5.964.871.601
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		643.740.197	114.096.342
11.	Thu nhập khác	31	VI.07	1.824.218.881	2.573.609.223
12.	Chi phí khác	32	VI.08	63.472.000	486.383.405
13.	Lợi nhuận khác	40		1.760.746.881	2.087.225.818
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.404.487.078	2.201.322.160
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	501.165.901	39.274.935
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.903.321.177	2.162.047.225
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		Không áp dụng	Không áp dụng

Hà Nội, ngày 11 tháng 5 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT





Trần Thị Hoàng Liên

Trần Thị Hoàng Liên

Phạm Xuân Hà

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		98.769.772.462	88.035.267.265
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(52.767.347.107)	(72.689.938.998)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(8.387.091.129)	(10.923.606.171)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04		(6.180.342.546)	(7.531.823.787)
5.	Tiền chi nộp thuế TNDN	05		(138.124.647)	-
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		410.686.515	3.202.532.753
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(16.654.745.205)	(20.962.926.963)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		15.052.808.343	(20.870.495.901)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(5.991.399.980)	(1.685.197.133)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		2.099.000.000	340.909.091
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(100.000.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		528.284.938	140.597.102
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.364.115.042)	(1.303.690.940)

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		65.502.092.638	96.811.222.680
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(75.730.563.763)	(74.733.468.214)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.215.000.000)	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(11.443.471.125)	22.077.754.466
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		245.222.176	(96.432.375)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		5.372.273.542	5.468.705.917
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		5.617.495.718	5.372.273.542

Hà Nội, ngày 11 tháng 5 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT





Trần Thị Hoàng Liên

Trần Thị Hoàng Liên

Phạm Xuân Hà

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, xây dựng, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2015 bao gồm:

- Sản xuất nước uống các loại có cồn và không có cồn, các loại bao bì;
- Kinh doanh khách sạn, các sản phẩm hàng hóa ăn uống, lương thực, thực phẩm chế biến;
- Sản xuất, buôn bán các mặt hàng công nghệ phẩm, tạp phẩm, thủ công mỹ nghệ, các mặt hàng nhựa, may mặc đồ da, giả da và sản phẩm in các loại;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, cửa hàng, phòng trưng bày.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm trước và kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm sau.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

03. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

03. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
- TSCĐ hữu hình khác	08 - 12 năm
- Phần mềm máy vi tính	08 năm
- Website	08 năm

04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Các chi phí phát sinh sau khi đưa bất động sản đầu tư vào sử dụng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt mức hoạt động tiêu chuẩn được đánh giá ban đầu thì các khoản chi phí này được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa

25 năm

05. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "trương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 01 năm hoặc trong 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm hoặc hơn 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ.

06. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

07. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Tiền thuê đất trả trước;
- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chờ phân bổ.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

08. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu hoặc bổ sung từ các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	1.561.619.977	544.576.566
- Tiền gửi ngân hàng	305.875.741	1.077.696.976
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	<u>1.867.495.718</u>	<u>1.622.273.542</u>

02. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	326.480.357
- Phải thu khác	1.635.786.566	1.340.508.827
Cộng	<u>1.635.786.566</u>	<u>1.666.989.184</u>

03. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	5.029.126.218	6.553.511.207
- Công cụ, dụng cụ	631.320.821	408.131.342
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	33.802.196.943	26.773.783.044
- Thành phẩm	7.186.728.676	18.628.121.495
- Hàng hoá	1.045.552.728	1.137.239.091
- Hàng gửi đi bán	3.426.873.281	550.741.364
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	<u>51.121.798.667</u>	<u>54.051.527.543</u>

04. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	17.600.218
Cộng	<u>-</u>	<u>17.600.218</u>

05. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
- Tạm ứng	752.819.890	400.469.800
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
Cộng	<u>752.819.890</u>	<u>400.469.800</u>

06. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải thu dài hạn khác	291.880.000	44.380.000
Cộng	<u>291.880.000</u>	<u>44.380.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>10.972.065.762</i>	<i>25.988.158.258</i>	<i>2.322.644.990</i>	<i>349.239.818</i>	<i>1.167.176.197</i>	<i>40.799.285.025</i>
- Mua trong năm	-	2.975.442.500	600.000.000	-	479.545.455	4.054.987.955
- Đầu tư XD CB hoàn thành	1.482.529.515	-	-	-	-	1.482.529.515
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(503.705.000)	(412.127.300)	-	-	(915.832.300)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>12.454.595.277</i>	<i>28.459.895.758</i>	<i>2.510.517.690</i>	<i>349.239.818</i>	<i>1.646.721.652</i>	<i>45.420.970.195</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>9.029.631.763</i>	<i>22.932.219.446</i>	<i>1.566.439.353</i>	<i>330.366.644</i>	<i>956.983.109</i>	<i>34.815.640.315</i>
- Khấu hao trong năm	265.369.362	1.186.540.842	162.257.136	10.517.176	111.601.373	1.736.285.889
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(503.705.000)	(412.127.300)	-	-	(915.832.300)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>9.295.001.125</i>	<i>23.615.055.288</i>	<i>1.316.569.189</i>	<i>340.883.820</i>	<i>1.068.584.482</i>	<i>35.636.093.904</i>
III. Giá trị còn lại						
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>1.942.433.999</i>	<i>3.055.938.812</i>	<i>756.205.637</i>	<i>18.873.174</i>	<i>210.193.088</i>	<i>5.983.644.710</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<i>3.159.594.152</i>	<i>4.844.840.470</i>	<i>1.193.948.501</i>	<i>8.355.998</i>	<i>578.137.170</i>	<i>9.784.876.291</i>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 15.705.388.067 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 5.115.127.440 đồng và 3.818.514.328 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng TMCP Tiên Phong và Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – chi nhánh Hai Bà Trưng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Website	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>60.000.000</i>	<i>35.000.000</i>	<i>95.000.000</i>
- Mua trong năm	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>60.000.000</i>	<i>35.000.000</i>	<i>95.000.000</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>34.748.281</i>	<i>5.967.008</i>	<i>40.715.289</i>
- Khấu hao trong năm	5.510.232	4.374.996	9.885.228
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>40.258.513</i>	<i>10.342.004</i>	<i>50.600.517</i>
III. Giá trị còn lại			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>25.251.719</i>	<i>29.032.992</i>	<i>54.284.711</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<i>19.741.487</i>	<i>24.657.996</i>	<i>44.399.483</i>

09. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công trình 181 Lạc Long Quân	929.691.727	929.691.727
- Công trình 45 Lạc Long Quân	973.659.328	973.659.328
- Công trình 343 Lạc Long Quân	170.724.721	51.450.000
- Công trình 323 Vĩnh Hưng	901.319.090	901.319.090
Cộng	2.975.394.866	2.856.120.145

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
I. Nguyên giá bất động sản đầu tư	8.261.425.803	-	-	8.261.425.803
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	8.261.425.803	-	-	8.261.425.803
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
II. Giá trị hao mòn lũy kế	456.214.291	330.457.032	-	786.671.323
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	456.214.291	330.457.032	-	786.671.323
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
III. Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư	7.805.211.512	-	330.457.032	7.474.754.480
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	7.805.211.512	-	330.457.032	7.474.754.480
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

Giá trị bất động sản đầu tư là xưởng sản xuất nhựa tại cụm Công nghiệp Thực phẩm Hapro.

11. Đầu tư vào Công ty con

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty TNHH MTV Rượu Vang Thăng Long	3.000.000.000	3.000.000.000
- Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Địa ốc Thăng Long	100.000.000	100.000.000
Cộng	3.100.000.000	3.100.000.000

12. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào đơn vị khác		1.200.000.000		1.200.000.000
- Công ty Cổ phần Rượu Hapro	100.000	1.000.000.000	100.000	1.000.000.000
- Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Thăng Long	20.000	200.000.000	20.000	200.000.000
Cộng		1.200.000.000		1.200.000.000

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	516.829.205	637.692.366
- Trả trước tiền thuê đất tại Cụm công nghiệp thực phẩm Hapro	2.622.195.198	2.716.775.717
Cộng	3.139.024.403	3.354.468.083

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn	47.024.054.772	58.541.939.002
- <i>Vay ngân hàng</i>	29.239.711.319	42.700.880.561
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - Tây Hồ ^(a)	9.366.190.136	7.114.912.109
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng ^(b)	5.599.625.183	14.583.571.045
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong ^(c)	14.273.896.000	9.997.980.742
+ Ngân hàng TMCP Đông Á	-	10.537.872.497
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	-	466.544.168
- <i>Vay đối tượng khác</i> ^(d)	17.784.343.453	15.841.058.441
+ Công ty Thương mại dịch vụ Tràng Thi	3.000.000.000	3.000.000.000
+ Các cá nhân	14.784.343.453	12.841.058.441
Cộng	<u>47.024.054.772</u>	<u>58.541.939.002</u>

- (a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tây Hồ để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay được đảm bảo bằng hàng tồn kho luân chuyển bao gồm các loại nguyên vật liệu, vật tư sản xuất thành phẩm rượu và quyền thuê đất tại địa chỉ số 343 đường Lạc Long Quân, Cầu Giấy, Hà Nội, lãi suất vay từ 11,5%/năm đến 12,5%/năm.
- (b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 05 xe ô tô và 03 xe nâng hàng, lãi suất vay từ 11%/năm đến 11,7%/năm.
- (c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong để bổ sung vốn lưu động và mở thư tín dụng nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ nguyên vật liệu sản xuất rượu vang và thành phẩm và quyền thuê đất tại kho Vĩnh Tuy, xã Thanh Trì, huyện Thanh Trì, Hà Nội, lãi suất vay từ 9%/năm đến 10,4%/năm.
- (d) Khoản vay các đối tượng khác để phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp, lãi suất từ 11%/năm đến 13,5%/năm.

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế giá trị gia tăng bán ra trong nước	2.100.462.863	373.114.147
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	3.459.529.412	147.779.165
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	455.711.356	-
- Thuế thu nhập cá nhân	27.540.181	34.205.019
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	6.000.000
Cộng	<u>6.043.243.812</u>	<u>561.098.331</u>

16. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí lãi vay	70.814.382	-
- Khác	15.600.000	9.000.000
Cộng	<u>86.414.382</u>	<u>9.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Kinh phí công đoàn	138.727.454	-
- Bảo hiểm xã hội	-	203.603.201
- Bảo hiểm y tế	1.573.200	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.426.276.821	3.205.500.415
+ <i>Phải trả Tổng Công ty Thương mại Hà Nội về tiền hỗ trợ vốn bán hàng bình ổn giá</i>	2.000.000.000	2.000.000.000
+ Công ty TNHH MTV Rượu Vang Thăng Long	612.893	-
+ Lãi vay phải trả	109.292.958	-
+ Các khoản phải trả, phải nộp khác	316.370.970	1.205.500.415
Cộng	<u>2.566.577.475</u>	<u>3.409.103.616</u>

18. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn	4.053.112.193	2.763.699.088
- <i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	<i>4.053.112.193</i>	<i>2.763.699.088</i>
+ Ngân hàng TMCP Công thương VN - Sở GD 1 ^(a)	1.842.466.064	2.763.699.088
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong ^(b)	2.210.646.129	-
Cộng	<u>4.053.112.193</u>	<u>2.763.699.088</u>

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương VN - Sở GD 1 để xây dựng nhà xưởng tại cụm Công nghiệp thực phẩm Hapro. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và toàn bộ nhà xưởng, máy móc thiết bị và các tài sản khác hình thành trên đất tại cụm Công nghiệp thực phẩm Hapro, lãi suất vay là 13%/năm.

(b) Khoản vay của Ngân hàng TMCP Tiên Phong để thanh toán tiền mua ô tô 3,5 tấn hiệu Hyundai với lãi suất linh hoạt 4,9%/năm trong 06 tháng đầu, sau đó thay đổi theo lãi suất hiện hành, thời hạn thanh toán 4 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONGSố 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

19. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	18.000.000.000	21.088.000	8.805.595.673	1.863.277.098	(552.569.247)	28.137.391.524
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	2.162.047.225	2.162.047.225
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Tăng vốn từ lợi nhuận để lại và các quỹ	9.000.000.000	(21.088.000)	(8.805.595.673)	-	(173.316.327)	-
Số dư cuối năm trước	27.000.000.000	-	-	1.863.277.098	1.436.161.651	30.299.438.749
Số dư đầu năm nay	27.000.000.000	-	-	-	-	-
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	1.903.321.177	1.903.321.177
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(1.215.000.000)	(1.215.000.000)
Giảm khác (*)	-	-	-	(387.521.637)	-	(387.521.637)
Số dư cuối năm nay	27.000.000.000	-	-	1.475.755.461	2.124.482.828	30.600.238.289

(*) Theo quyết định số ... ngày... tháng... năm... của Chủ tịch Hội đồng quản trị khoản thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu và tiền phạt thuế theo biên bản thanh tra, quyết toán thuế năm 2012 và năm 2013 tại Công ty và Công ty TNHH MTV Rượu Vang Thăng Long được bù đắp từ quỹ dự phòng tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của Nhà nước	10.800.000.000	10.800.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	16.200.000.000	16.200.000.000
Cộng	27.000.000.000	27.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	27.000.000.000	18.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	9.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	27.000.000.000	27.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.215.000.000	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.700.000	2.700.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.700.000	2.700.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.700.000	2.700.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.700.000	2.700.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.700.000	2.700.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

20. Nguồn kinh phí

	Năm nay	Năm trước
Nguồn kinh phí dư đầu năm	89.060.000	205.400.000
- Nguồn kinh phí được cấp trong năm	-	-
- Chi sự nghiệp	(57.900.000)	(116.340.000)
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	31.160.000	89.060.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng hóa	23.816.899.207	27.835.042.253
- Doanh thu bán thành phẩm	52.733.586.629	57.712.254.491
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.035.209.393	3.626.337.166
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	3.934.733.697	2.304.175.746
Cộng	85.520.428.926	91.477.809.656

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chiết khấu thương mại	500.255.377	4.497.375.363
- Hàng bán bị trả lại	397.382.161	1.363.420.249
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	10.507.113.843	10.684.747.357
Cộng	<u>11.404.751.381</u>	<u>16.545.542.969</u>

03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	23.782.507.440	27.781.489.043
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	41.363.227.015	41.220.264.732
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	5.035.209.393	3.626.337.166
- Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản	3.934.733.697	2.304.175.746
Cộng	<u>74.115.677.545</u>	<u>74.932.266.687</u>

04. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	23.214.803.050	26.887.822.801
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	31.581.810.097	27.678.502.135
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.801.387.112	2.674.195.729
- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	430.487.949	506.079.078
Cộng	<u>58.028.488.208</u>	<u>57.746.599.743</u>

05. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	201.804.581	140.597.102
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	222.460.254	326.480.357
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.764.801	-
Cộng	<u>427.029.636</u>	<u>467.077.459</u>

06. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	6.360.449.886	7.531.823.787
Cộng	<u>6.360.449.886</u>	<u>7.531.823.787</u>

07. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thu thanh lý tài sản cố định	1.778.363.636	2.179.909.091
- Thu nhập khác	45.855.245	393.700.132
Cộng	<u>1.824.218.881</u>	<u>2.573.609.223</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Chi phạt vi phạm hợp đồng	-	240.985.533
- Chi phí khác	63.472.000	245.397.872
Cộng	63.472.000	486.383.405

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	501.165.901	39.274.935
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	501.165.901	39.274.935

(*) Chi tiết cách xác định Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.404.487.078
Các khoản điều chỉnh tăng	96.000.000
Phụ cấp HĐQT không trực tiếp điều hành	96.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	222.460.254
Lợi nhuận chuyển từ công ty con	222.460.254
Thu nhập tính thuế TNDN	2.278.026.824
Thuế suất thuế TNDN	22%
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	501.165.901

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.816.559.701	35.683.019.820
- Chi phí nhân công	11.155.614.086	13.882.414.363
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.076.628.149	2.527.289.985
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.425.946.342	5.394.574.159
- Chi phí khác bằng tiền	4.435.986.850	5.106.875.111
Cộng	39.910.735.128	62.594.173.438

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**01. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng**

	Năm nay	Năm trước
- Thanh lý tài sản cố định chưa thu được bằng tiền	1.696.200.000	1.839.000.000
- Tăng vốn điều lệ không bằng tiền	-	9.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng như sau:

Đơn vị tính: VND

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	602.395.187	979.045.505
Tiền thưởng	173.155.404	-
Thù lao hội đồng quản trị	179.000.000	104.000.000
Cộng	<u>954.550.591</u>	<u>1.083.045.505</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Công ty TNHH MTV Rượu Vang Thăng Long	Công ty con
- Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Địa ốc Thăng Long	Công ty con

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm tài chính giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>
Công ty TNHH MTV Rượu Vang Thăng Long	
Bán hàng hóa và thành phẩm	52.336.421.022
Cho thuê văn phòng, kho, ô tô	1.800.000.000
Doanh thu dịch vụ liên kết lao động	1.602.195.594
Chiết khấu thương mại	473.874.765
Hàng bán bị trả lại	354.823.141
Lợi nhuận từ Công ty con chuyển về	222.460.254

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2015, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Rượu Vang Thăng Long		
Phải thu khách hàng	12.086.598.719	9.032.688.129
Phải thu khác	-	326.480.357
Cộng nợ phải thu	<u>12.086.598.719</u>	<u>9.359.168.486</u>
Công ty TNHH MTV Rượu Vang Thăng Long		
Phải trả khác	612.893	-
Cộng nợ phải trả	<u>612.893</u>	<u>-</u>

02. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Sản xuất: Sản xuất nước uống các loại có cồn và không có cồn, các loại bao bì;
- Thương mại: Kinh doanh các sản phẩm hàng hóa ăn uống, lương thực, thực phẩm chế biến, bao bì;
- Dịch vụ: Cho thuê tài sản và dịch vụ khác;
- Kinh doanh bất động sản: Cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Cộng
Năm nay					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	41.363.227.015	23.782.507.440	5.035.209.393	3.934.733.697	74.115.677.545
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	40.683.866.263	28.448.188.695	3.909.394.441	430.487.949	73.471.937.348
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	679.360.752	(4.665.681.255)	1.125.814.952	3.504.245.748	643.740.197
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	5.688.854.691	384.911.883	10.645.368	55.363.584	6.139.775.526
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.975.477.913	301.034.369	63.734.704	330.457.032	2.670.704.018
Số dư tại cuối năm					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	72.689.670.333	9.461.071.669	1.781.725.502	10.096.949.678	94.029.417.182
- Tài sản không phân bổ					11.553.282.284
Tổng tài sản	72.689.670.333	9.461.071.669	1.781.725.502	10.096.949.678	105.582.699.466
- Nợ phải trả bộ phận	43.078.245.765	24.768.587.326	5.243.981.269	1.842.466.064	74.933.280.424
- Nợ phải trả không phân bổ					18.020.753
Tổng nợ phải trả	43.078.245.765	24.768.587.326	5.243.981.269	1.842.466.064	74.951.301.177

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	<u>Lĩnh vực sản xuất</u>	<u>Lĩnh vực thương mại</u>	<u>Lĩnh vực dịch vụ</u>	<u>Lĩnh vực kinh doanh bất động sản</u>	<u>Cộng</u>
Năm trước					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	41.220.264.732	27.781.489.043	3.626.337.166	2.304.175.746	74.932.266.687
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác					-
- Chi phí phân bổ	37.065.866.586	33.214.685.676	3.500.045.558	1.037.572.525	74.818.170.345
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	4.154.398.146	(5.433.196.633)	126.291.608	1.266.603.221	114.096.342
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	2.036.291.107	-	-	412.776.000	2.449.067.107
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.488.742.973	1.003.377.753	130.971.599	602.232.342	3.225.324.667
Số dư cuối năm trước					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	60.038.332.641	16.010.222.037	4.002.555.509	10.521.987.229	90.573.097.416
- Tài sản không phân bổ					11.339.262.726
Tổng tài sản	60.038.332.641	16.010.222.037	4.002.555.509	10.521.987.229	101.912.360.142
- Nợ phải trả bộ phận	51.569.187.414	13.751.783.310	3.437.945.828	2.763.699.088	71.522.615.640
- Nợ phải trả không phân bổ					1.245.753
Tổng nợ phải trả	51.569.187.414	13.751.783.310	3.437.945.828	2.763.699.088	71.523.861.393

Khu vực địa lý kinh doanh:

Toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.617.495.718	-	5.372.273.542	-	5.617.495.718	5.372.273.542
Phải thu khách hàng và phải thu khác	16.982.840.233	-	14.496.883.754	-	16.982.840.233	14.496.883.754
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	1.200.000.000	-	1.200.000.000	-	1.200.000.000	1.200.000.000
Cộng	23.800.335.951	-	21.069.157.296	-	23.800.335.951	21.069.157.296

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	911.728.525	2.058.431.989	911.728.525	2.058.431.989
Vay và nợ	51.077.166.965	61.305.638.090	51.077.166.965	61.305.638.090
Chi phí phải trả	86.414.382	9.000.000	86.414.382	9.000.000
Các khoản phải trả khác	2.444.058.963	3.223.282.557	2.444.058.963	3.223.282.557
Cộng	54.519.368.835	66.596.352.636	54.519.368.835	66.596.352.636

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

04. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

05. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban lãnh đạo chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban lãnh đạo cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	402.240.138	509.488.387	-	911.728.525
Vay và nợ	47.024.054.772	4.053.112.193	-	51.077.166.965
Chi phí phải trả	86.414.382	-	-	86.414.382
Các khoản phải trả khác	2.426.276.821	17.782.142	-	2.444.058.963
Cộng	<u>49.938.986.113</u>	<u>4.580.382.722</u>	-	<u>54.519.368.835</u>
Số đầu năm				-
Phải trả cho người bán	993.173.716	1.065.258.273	-	2.058.431.989
Vay và nợ	58.541.939.002	2.763.699.088	-	61.305.638.090
Chi phí phải trả	9.000.000	-	-	9.000.000
Các khoản phải trả khác	3.205.500.415	17.782.142	-	3.223.282.557
Cộng	<u>62.749.613.133</u>	<u>3.846.739.503</u>	-	<u>66.596.352.636</u>

06. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

07. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 3 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 11 tháng 5 năm 2015

Người lập biểu

Trần Thị Hoàng Liên

Kế toán trưởng

Trần Thị Hoàng Liên

Chủ tịch HĐQT



Phạm Xuân Hà